TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 544/2018/DS-ST
Ngày: 01-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A

2. Ông Phan Thành Luân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông H Thế Đức- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 10 và ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2018/QĐXXST-DS ngày 05/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa 141/2018/QĐXXST-DS ngày 27/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H sinh năm 1954 (có mặt).
Địa chỉ: Căn nhà B, chung cư A, khu phố Z, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị Kim H sinh năm 1975 (vắng mặt).
Địa chỉ: Nhà số A khu Z, đường H, Phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1956 (có mặt).
Địa chỉ: Căn nhà B2, chung cư An Phú Đông, khu phố 5, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/5/2018 của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H và tài liệu chứng cứ trong hồ

sơ thể hiện: Vợ chồng ông H bà T có làm ăn quen biết với bà Lê Thị Kim H nên khi nghe bà H xin vay tiền và hứa hẹn sẽ bán nhà trả nợ, nên hai vợ chồng ông H bà T cho bà Lê Thị Kim H vay tiền nhiều lần vào các ngày sau:

Ngày 24/11/2016 vay 5.000 USD, (tương tương 110.000.000 đồng) không thời hạn vay, không tính lãi.

Ngày 28/11/2016 vay 20.000.000 đồng, không thời hạn, không tính lãi.

Ngày 26/12/2016 vay 100.000.000 đồng, không thời hạn vay, không tính lãi.

Ngày 12/01/2017 vay 130.000.000 đồng, không thời hạn vay, không tính lãi

Ngày 17/12/2016 vay 200.000.000 đồng, không thời hạn vay, không tính lãi

Ngày 20/02/2017 vay 784.000.000 đồng, không thời hạn vay, không tính lãi

Ngày 12/5/2017 vay 100.000.000 đồng, không thời hạn vay, không tính lãi

Ngày 19/5/2017 vay 100.000.000 đồng, không thời hạn vay, không tính lãi

Ngày 21/11/2016 vay 80.000.000 đồng, không thời hạn vay, không tính lãi

Ngày 19/12/2016 vay 200.000.000 đồng, không thời hạn vay, không tính lãi

Ngày 07/12/2016 vay 500.000.000 đồng, không thời hạn vay, không tính lãi

Ngày 17/01/2017 vay 300.000.000 đồng, không thời hạn vay, không tính lãi

Tổng cộng số tiền là 2.624.000.000 đồng.

Trong quá trình vay, bà H hứa hẹn bán nhà để trả nợ cho ông H bà T nhưng cho đến nay vẫn chưa trả được một khoản tiền nào. Nên ông H khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ là 2.624.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 19/6/2017 cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

Bị đơn bà Lê Thị Kim H vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngoài các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng gì khác, đương sự không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H và vợ là bà T yêu cầu bị đơn Lê Thị Kim H trả số tiền còn nợ là 2.624.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 19/6/2017 cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 68, 70, 71, bị đơn vi phạm Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà H trả cho ông H bà T số tiền nợ gốc là 2.624.000.000 đồng. Tiền lãi do Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà ông Nguyễn Thanh H yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Kim H trả số tiền vay còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp hợp đồng dân sự" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn bà Lê Thị Kim H có nơi cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Lê Thị Kim H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Kim H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Căn cứ các giấy vay tiền ngày 28/11/2016, ngày 26/12/2016, ngày 12/01/2017 ngày 17/12/2016, ngày 20/02/2017, ngày 12/5/2017, ngày 19/5/2017, ngày 21/11/2016, ngày 19/12/2016, ngày 07/12/2016, ngày 17/01/2017 có cơ sở để xác định ông H, bà T có cho bà Lê Thị Kim H vay mượn tiền nhiều lần. Tổng cộng số tiền là 2.624.000.000 đồng, vay không thời hạn, không tính lãi suất. Trong thời gian vay, bị đơn bà H không trả cho ông H bà T khoản nào. Theo đó cho thấy giữa ông H bà T và bị đơn bà H đã xác lập giao dịch dân sự và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 116 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là giao dịch dân sự có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà H nhưng bà H vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng là cố tình né tránh trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[2.1.2] Đối với giấy vay tiền ngày 28/11/2016 bà H viết " tôi cam kết số tiền đợt 1 là 5000 (USD) (năm ngàn đô la Mỹ).... theo quy định của Thông tư số: 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam thì các trường hợp được sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam là cá nhân, ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng được phép) được giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận bằng ngoại hối trong phạm vi kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép thực hiện theo quy định của pháp luật. Theo đó ông H là cá nhân không được giao dịch bằng đồng ngoại tệ. Đây là giao dịch dân sư vi phạm điều cấm của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, giao dịch dân sự vi phạm điều cấm là giao dịch vô hiệu theo quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2015 nên hai bên phải

trả lại cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn ông H xác nhận chỉ ghi vào giấy là USD nhưng thực tế không có đưa đồng Đô la Mỹ cho bà H mượn mà quy ra thành tiền Việt Nam đồng là 110.000.000 đồng. Do đó, giấy vay tiền ngày 28/11/2016 không bị vô hiệu.

Đối với các giấy vay tiền còn lại, thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay tiền. Theo quy định tại Điều 463, và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, bà H đã hẹn trả tiền cho ông H bà T nhiều lần nhưng đến nay vẫn chưa trả được, nên việc buộc bà H phải trả số tiền còn thiếu cho nguyên đơn là hợp lý, ông H yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi cho bà H vay tiền ông H bà T cho vay không tính thời hạn trả, không tính lãi suất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ”Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Xét, ngày 19/6/2017 ông H đã có thông báo đòi nợ đối với bà H, nên việc buộc bà H phải trả số tiền vay còn thiếu cho ông H bà T là phù hợp với quy định này của Bộ luật dân sự.

[2.1.3] Trong đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/5/2018 ông Nguyễn Thanh H có yêu cầu bà H trả số tiền 25.000.000 đồng, trong giấy vay tiền ngày 30/6/2017 có nội dung ”Tôi anh Tư anh của Hương có nhận thay Hương số tiền là 25.000.000 đồng) và có ký tên ”Tư Thuận”. Ngày 23/8/2018 ông Nguyễn Thanh H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung, tại phiên tòa ông H cũng không yêu cầu bà H trả số tiền này, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Lê Thị Kim H trả số tiền 25.000.000 đồng.

[2.1.4] Về lãi suất cho vay: Ông H bà T cho bà H vay không tính lãi suất, nhưng do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ”Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Và theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự ”Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Như vậy trong giao dịch dân sự này, bà H vắng mặt, do đó không rõ là có việc tranh chấp về lãi suất hay không thì việc tính lãi suất trong trường hợp này được xác định bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo quy định này mức lãi suất trong trường hợp không rõ hoặc có tranh chấp sẽ là 10%/1 năm (tức 0,83%/tháng).

Theo đó số tiền lãi mà bà H phải trả cho ông H bà T kể từ ngày ông H ra thông báo đòi nợ bà H (ngày 19/6/2017) cho đến ngày xét xử sơ thẩm

(01/11/2018) là 16 tháng 13 ngày là 2.624.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 16 tháng 13 ngày = 357.904.853 đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H buộc bà Lê Thị Kim H có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh H số tiền là 2.981.904.854 đồng, trong đó tiền gốc là 2.624.000.000 đồng và tiền lãi là 357.904.853 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Theo đó nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 91.638.097 đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Kim H trả số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H, buộc bị đơn bà Lê Thị Kim H có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh H số tiền là 2.981.904.854 đồng (hai tỷ chín trăm tám mươi mốt triệu chín trăm lẻ bốn ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng).

Các đương sự thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm là 91.638.097 đồng (chín mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn không trăm chín mươi bảy đồng), bà Lê Thị Kim H phải chịu.

[4] Trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.160.000 đồng (hai mươi chín triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0040065 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, và trả lại số tiền 22.575.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0040777 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ CHí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân